TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ GIÁO** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2020/HNGĐ - ST
Ngày 27-02-2020
V/v ly hôn.
.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ GIÁO, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Chang.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lê Thị Phương Dung;

Ông Nguyễn Minh Quân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Phúc Vĩnh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 337/2019/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 7 năm 2019 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Lê Thị H, sinh năm 1972; Có đơn xin vắng mặt

Địa chỉ: Số xxx, tổ a, ấp b, xã C, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

- *Bị đơn*: Ông Đỗ Thanh T, sinh năm 1970; Có đơn xin vắng mặt

Địa chỉ: Số xxx, tổ a, ấp b, xã C, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, nguyên đơn bà Lê Thị H trình bày yêu cầu khởi kiện như sau:

Về hôn nhân: Bà và ông Đỗ Thanh T chung sống với nhau từ năm 1990 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương vào năm 2015. Việc chung sống với nhau và đăng ký kết hôn là do ông, bà hoàn toàn tự nguyện. Thời gian đầu vợ chồng bà chung sống hạnh phúc. Sau một thời gian vợ chồng bà phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng bất đồng quan điểm thường xuyên cãi nhau về tất cả các vấn đề trong cuộc sống. Bà đã cố gắng hàn gắn mâu thuẫn gia đình nhưng vợ chồng không còn yêu thương, tôn trọng lẫn nhau nên cuộc sống gia đình luôn căng thẳng. Hiện tại mâu thuẫn vợ chồng bà đã trầm trọng, không thể tiếp tục cuộc sống chung với nhau được nữa nên bà yêu cầu được ly hôn với ông T.

Về con chung: Quá trình chung sống, bà và ông T có 03 con chung là Đỗ Thanh H1, sinh năm 1991; Đỗ Thanh X, sinh năm 1993 và Đỗ Thanh L, sinh năm 1995. Các con chung đều đã trưởng thành, có việc làm nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà H có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt bà theo quy định của pháp luật.

Theo biên bản lấy lời khai, bị đơn ông Đỗ Thanh T trình bày:

Về hôn nhân: Ông và bà H chung sống với nhau từ năm 1990 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương. Việc chung sống với nhau và đăng ký kết hôn là ông bà tự nguyện. Quá trình chung sống thì vợ chồng ông có xảy ra mâu thuẫn về vấn đề tiền bạc trong gia đình. Thời gian gần đây, vì ông buồn gia đình xảy ra mâu thuẫn nên thường đi chơi với bạn bè để giải tỏa căng thẳng nên vợ ông ghen tuông mới nộp đơn ly hôn. Ông không muốn vợ chồng ly hôn nhưng bà H đã nộp đơn thì đề nghị Tòa án giải quyết theo yêu cầu của bà H để bà được tự do.

Về con chung: Ông và bà H có 03 con chung là Đỗ Thanh H1, sinh năm 1991; Đỗ Thanh X, sinh năm 1993 và Đỗ Thanh L, sinh năm 1995. Các con chung đều đã trưởng thành, có việc làm nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông T có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt ông theo quy định của pháp luật.

Tại phiên toà, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương tham gia phiên toà phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án là đúng quy định của pháp luật. HĐXX thực hiện khai mạc phiên toà, phần thủ tục, phần tranh tụng đều đảm bảo đúng pháp luật. Về việc giải quyết vụ án: Về hôn nhân: Bà H và ông T sống chung với nhau từ năm 1990 và có đăng ký kết hôn ngày 07/5/2015 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương. Quá trình chung sống xảy ra mâu thuẫn nên bà H nộp đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông T. Tại biên bản lấy lời khai, ông T không muốn ly hôn nhưng ông thừa nhận vợ chồng ông có xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng thường cãi nhau, ông đề nghị Tòa án giải quyết theo yêu cầu của bà H. Tại biên bản xác minh ở địa phương nơi bà H và ông T sinh sống thì địa phương không biết rõ mâu thuẫn gia đình của bà H, ông T vì không có tiếp nhận đơn yêu cầu nào của ông bà. Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xét thấy mâu thuẫn vợ chồng của bà H, ông T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị HĐXX xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho bà H được ly hôn với ông T. Về con chung, bà H và ông T có 03 con chung là Đỗ Thanh H1, sinh năm 1991; Đỗ Thanh X, sinh năm 1993 và Đỗ Thanh L, sinh năm 1995. Các con chung đều đã trưởng thành, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Viện Kiểm sát không đề cập xem xét. Về tài sản chung, nợ chung các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Viện Kiểm sát không đề cập xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Lê Thị H có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Đỗ Thanh T nên đây là vụ án về tranh chấp ly hôn. Bị đơn hiện cư trú tại ấp b, xã C, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn bà Lê Thị H và ông Đỗ Thanh T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên căn cứ vào Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về hôn nhân: Nguyên đơn bà Lê Thị H và bị đơn ông Đỗ Thanh T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1990, có đăng ký kết hôn vào ngày 07/5/2015 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 44/2015, quyển số 01/2015 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương. Bà H và ông T đủ điều kiện kết hôn theo Điều 8 và có đăng ký kết hôn theo Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình nên đây là hôn nhân hợp pháp. Bà H và ông T đều thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn, thường hay cãi nhau. Ông T không muốn ly hôn nhưng ông đề nghị Tòa án giải quyết theo yêu cầu của bà H để bà được tự do. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng bà H và ông T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, HĐXX xem xét chấp nhận cho bà Lê Thị H được ly hôn với ông Đỗ Thanh T.

[3] Về con chung: Căn cứ vào lời khai của bà H và ông T, các bản sao giấy khai sinh do bà H cung cấp thì có căn cứ xác định bà H và ông T có 03 con chung là Đỗ Thanh H1, sinh năm 1991; Đỗ Thanh X, sinh năm 1993 và Đỗ Thanh L, sinh năm 1995. Các con chung của bà H và ông T đều đã thành niên, có việc làm, ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[5] Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát đề nghị HĐXX xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên chấp nhận.

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 228, 238, 246, 264, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 51, 53, 55, 54, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị H đối với bị đơn ông Đỗ Thanh T về việc “Ly hôn”.

2. Về hôn nhân: Bà Lê Thị H được ly hôn với ông Đỗ Thanh T.

3. Về con chung: Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

5. Về án phí: Bà Lê Thị H phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0026434 ngày 17/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

6. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Phú Giáo;
- Chi cục THA dân sự huyện Phú Giáo;
- UBND xã C, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương (Số 01/2015);
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thị Chang